

Số: 58 /QĐ-HV

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12/04/2021 của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 2815/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông Phê duyệt giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế toán, Kế hoạch – Đầu tư và trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ TTTT (Vụ KHTC) (b/c);
- HĐHV; BGĐ HV (b/c);
- Lưu:VT, TCKT.



Đặng Hoài Bắc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Kèm theo Quyết định số 58 /QĐ-HV ngày 10/01/2024 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Số thực hiện năm 2023	Số thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Số thực hiện năm 2023 so với năm 2022 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.525.000.000	11.367.277.706	98,63	105,01
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.525.000.000	11.367.277.706	98,63	105,01
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	4.900.000.000	4.899.034.100	99,98	108,01
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	4.900.000.000	4.899.034.100	99,98	108,01
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	4.900.000.000	4.899.034.100	99,98	108,01
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4.975.000.000	4.818.243.606	96,85	127,85
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.975.000.000	4.818.243.606	96,85	127,85

TIN HI CÔ BU VIÊ

M

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Số thực hiện năm 2023	Số thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Số thực hiện năm 2023 so với năm 2022 (tỷ lệ %)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	300.000.000	300.000.000	100,00	33,70
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	300.000.000	300.000.000	100,00	33,70
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi tài chính và khác	1.350.000.000	1.350.000.000	100,00	82,79
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.350.000.000	1.350.000.000	100,00	82,79
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				

V
 C VI
 S N
 CH
 TH
 ★

M

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Số thực hiện năm 2023	Số thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Số thực hiện năm 2023 so với năm 2022 (tỷ lệ %)
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 11 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Đặng Hoài Bắc

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
 VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU-CHI NSNN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 58 /QĐ-HV ngày 11/01/2024
của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

I. Tổng thu NSNN năm 2023: 11.525.000.000 đồng.

II. Tình hình thực hiện chi NSNN năm 2023:

Tổng chi NSNN năm 2023: 11.367.277.706 đồng, đạt 98,63% kế hoạch được giao, cụ thể:

1. Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: Loại 070

1.1. Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: Loại 070 - Khoản 081:

- Chi thực hiện chính sách miễn giảm học phí: 2.350.000.000 đồng.
- Chi thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập: 215.000.000 đồng.
- Chi thực hiện hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên thuộc dân tộc thiểu số rất ít người: 40.000.000 đồng.
- Chi thực hiện Đề án ngoại ngữ quốc gia năm 2023: 291.417.686 đồng.

1.2. Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: Loại 070 - Khoản 085:

- Chi thực hiện nhiệm vụ Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023: 1.921.825.920 đồng.

2. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Loại 100 – Khoản 101:

- Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ: 4.899.034.100 đồng.

3. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: Loại 160 – Khoản 171:

- Chi thực hiện Thực hiện trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông theo Quyết định số 1190/QĐ-TTg: 300.000.000 đồng.

4. Chi tài chính và khác: Loại 400 – Khoản 402:

- Chi đào tạo Lưu học sinh Lào: 1.350.000.000 đồng.